TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MANG YANG** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 27/01/2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG YANG, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Nam Trung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thân Văn Thái và bà Nguyễn Thị Định

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Hải

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa*:** Ông Đỗ Đình Lộc – Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 01 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2021 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị H** – sinh năm: 1987

Địa chỉ: Số 31 đường Th, phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

(Có mặt tại phiên tòa)

- *Bị đơn:* Ông **Kim Quốc V** – sinh năm: 1986

Nơi ĐKHKTT: Thôn 4, thị trấn Đ, huyện K, tỉnh Kon Tum.

Chỗ ở hiện nay: Phạm nhân đang chấp hành án tại Phân trại số 2, trại giam G, Cục C10, Bộ Công an, thuộc xã Đ, huyện M, tỉnh Gia Lai.

(Có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Trần Thị H yêu cầu khởi kiện như sau:

Bà Trần Thị H và ông Kim Quốc V tự nguyện chung sống và kết hôn với nhau vào năm 2007, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Đ, huyện K, tỉnh Kon Tum vào ngày 25/01/2007. Thời gian đầu chung sống vợ chồng hạnh phúc nhưng

chỉ được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, thường xảy ra cãi vã, xô xát. Đến năm 2018, ông V bị kết án về tội buôn bán ma túy và đi chấp hành án tại trại giam Gia Trung. Thời gian đó bà H vẫn thăm nom ông đều đặn nhưng ông thường có những lời nói xúc phạm khó nghe và còn hành hung bà khi vào trại gặp ông. Vì vậy bà H không còn tình cảm với ông V, hôn nhân không có hạnh phúc, không thể kéo dài, bà sợ ông V sau khi ra trại sẽ tiếp tục hành hung bà, vì vậy để ổn định cuộc sống, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Kim Quốc V.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Kim Thế Đ – sinh ngày: 17/8/2007 và Kim Trần Bảo N – sinh ngày: 02/02/2012. Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con sau khi ly hôn, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con vì hiện ông V đang chấp hành án.

Về tài sản chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn ông Kim Quốc V trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông V không đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà H, đề nghị sau khi ông chấp hành án xong mới giải quyết ly hôn.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến nay, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã đảm bảo thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được pháp luật quy định. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được tống đạt hợp lệ các thông báo của Tòa án. Xét thấy mâu thuẫn giữa bà H và ông V không thể hàn gắn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà H được ly hôn với ông V. Về con chung: đề nghị giao 02 con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Về tài sản chung, nợ chung: Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập. Về án phí: đề nghị nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Trần Thị H và ông Kim Quốc V có đăng ký kết hôn hợp pháp vào năm 2007 tại UBND thị trấn Đ, huyện K, tỉnh Kon Tum nên là hôn nhân hợp pháp. Ông Kim Quốc V hiện đang chấp hành án tại trại giam G thuộc địa bàn huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai. Vì vậy đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai.

[2] Xét về yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị H thì nhận thấy quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông Kim Quốc V. Còn ông Kim Quốc V không đồng ý ly hôn với bà Trần Thị H vì cho rằng ông vẫn còn tình cảm với bà H, bà H ly hôn ông vì có mục đích khác. Qua xem xét hồ sơ vụ án, đánh giá chứng cứ cũng như lời khai của các đương sự, nhận thấy mâu thuẫn giữa bà Trần Thị H và ông Kim Quốc V như trình bày của bà H là có thật. Qua xác minh tại địa phương, xác định bà H và ông V thường xảy

ra mâu thuẫn, cãi vã, xô xát. Quá trình làm việc tại trại giam Gia Trung, Tòa án đã tổ chức tiến hành hòa giải mong các bên có thể đoàn tụ tiếp tục duy trì cuộc sống gia đình, tuy nhiên hai bên đã xảy ra mâu thuẫn, thể hiện sự thiếu tôn trọng nhau. Vì vậy các buổi hòa giải không thành, giữa các bên còn phát sinh mâu thuẫn trầm trọng hơn. Tại phiên tòa bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn vì bà cho rằng không còn tình cảm với ông V. Xét thấy mâu thuẫn giữa bà H và ông V không thể hàn gắn, mối quan hệ vợ chồng không còn hạnh phúc, vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H cho bà H được ly hôn với ông Kim Quốc V theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về yêu cầu nuôi con chung: Ông bà có 02 con chung tên Kim Thế Đ – sinh ngày: 17/8/2007 và Kim Trần Bảo N – sinh ngày: 02/02/2012. Nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con sau khi ly hôn. Xét hiện nay ông V đang chấp hành án phạt tù, nên việc giao 02 con cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Bà H và ông V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Bà H xác định vợ chồng bà không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Bà H là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trần Thị H được ly hôn với ông Kim Quốc V.

Về con chung: Giao con Kim Thế Đ – sinh ngày: 17/8/2007 và Kim Trần Bảo N – sinh ngày: 02/02/2012 cho bà Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng khi con chưa thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được áp dụng theo quy định tại các Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về án phí: Bà Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0008598 ngày 18/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai. Bà H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Về thời hạn kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (27/01/2022), đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Mang Yang;
- Chi cục THADS huyện Mang Yang (khi án có hiệu lực);
- UBND thị trấn Đăk Rve, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum (khi án có hiệu lực);
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trương Nam Trung